TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 63/2019/DS-PT
Ngày: 13/3/2019
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Em.**

Các Thẩm phán: Ông **Mai Hoàng Khải**;

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**;

Thư ký phiên toà: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang*:** Bà **Từ Thị Kỳ** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 158/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐPT-DS ngày 27/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Kim H**, sinh năm 1951; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 9, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn:

2.1 **Phan Thành N**, sinh năm 1961; (Vắng mặt)

2.2 **Mai Thị Thanh H**, sinh năm 1974. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn **Mai Thị Thanh H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. *Nguyên đơn bà Trần Kim H trình bày:*

Bà có tham gia góp hụi do chị Mai Thị Thanh H và anh Phan Thành N làm đầu thảo. Trong các dây hụi chị H ghi tên bà là dì Ba H, cụ thể các dây hụi như sau:

+ Dây hụi thứ nhất: hụi tuần 200.000 đồng, khui vào ngày 02/9/2017 âm lịch và mãn hụi vào ngày 13/07/2018 âm lịch, có tổng cộng 46 phần, bà tham gia 02 phần và đã hốt 01 phần vào kỳ mở hụi thứ 43 với số tiền là 8.600.000 đồng. Nhưng chị H, anh N chỉ giao cho bà được 8.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000 đồng. Sau đó chị H bỏ nhà đi vào ngày 29/7/2018 âm lịch nên bà ngưng đóng 3 kỳ hụi chết là 600.000 đồng. Phần hụi sống còn lại chưa có giao cho bà đến nay hụi đã mãn, vì vậy nay bà yêu cầu trả cho bà là 8.700.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu bà H, ông N trả cho bà tiền hụi là 10.000.000 đồng, do lúc đó hai bên chưa đối chiếu thống nhất số tiền nợ hụi với nhau. Nay bà đồng ý cấn trừ số tiền hụi 600.000 đồng mà bà H ông N còn nợ lại bà vào 03 kỳ hụi chết mà bà chưa có đóng cho chị H. Đối với phần hụi còn sống yêu cầu ông N bà H trả cho bà là 8.700.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 2: Hụi 500.000 đồng/hai tuần khui một lần, khui vào ngày 25/10/2017 âm lịch và mãn hụi vào ngày 25/02/2019, có tổng cộng 31 phần. Bà tham gia 05 phần, đóng hụi được 18 kỳ thì chị H bỏ đi. Nay bà yêu cầu chị H, anh N trả cho bà tiền hụi của 05 phần là: 18 kỳ x 05 phần x 500.000 đồng thành tiền là 45.000.000 đồng

Bà khởi kiện yêu cầu chị H, anh N trả 50.000.000 đồng vì đã đóng được 20 kỳ hụi. Sau khi đối chiếu với nhau bà thống nhất dây hụi này đã đóng được 18 kỳ hụi. Vậy nay bà yêu cầu chị H anh N trả số tiền hụi đã đóng là 45.000.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khui vào ngày 15/5/2018 âm lịch và mãn hụi vào ngày 15/3/2020 âm lịch, có tổng cộng 22 phần, bà tham gia 01 phần và đóng được 03 kỳ hụi, đến kỳ mở hụi thứ 04 thì vỡ hụi. Dây hụi này bà yêu cầu trả vốn, mỗi kỳ đóng là 750.000 đồng x 3 kỳ, thành tiền là 2.250.000 đồng. Nay bà Hg chỉ yêu cầu chị H, anh N hoàn trả lại vốn gốc là 2.250.000 đồng.

+ Dây hụi thứ 4: Hụi 500.000 đồng/tuần, khui vào ngày 10/6/2018 âm lịch và mãn hụi vào ngày 10/02/2019 âm lịch, tổng cộng có 30 phần, bà tham gia 02 phần, đóng được 07 kỳ đến kỳ mở hụi thứ 08 thì vỡ hụi. Nay bà yêu cầu chị H, anh N trả cho bà tiền hụi của 02 phần là: 7 kỳ x 02 phần x 500.000 đồng, thành tiền là 7.000.000 đồng

Bà khởi kiện yêu cầu chị H, anh N trả cho bà số tiền nợ của dây hụi này là 6.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu chị H, anh N trả số tiền nợ hụi cho bà trong dây hụi này là 7.000.000 đồng.

+ Đối với số tiền vay: Vào ngày 10/3/2017 đến tháng 03/2018, bà có cho vợ chồng chị H và anh N vay tiền làm nhiều lần với tổng số tiền là 192.000.000 đồng và hẹn khi nào cần thì bà sẽ thông báo trước một tháng để trả lại. Khi vay có lập biên nhận vay do chị H ký tên. Sau đó chị H có trả được cho bà 30.000.000 đồng, nên nay còn nợ lại 162.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H khai số tiền vay này bà cho chị H vay vào năm 2018.

Tổng cộng, vợ chồng chị H, anh N còn nợ lại bà H là 224.950.000 đồng, trong đó tiền nợ hụi là 62.950.000 đồng và tiền vay là 162.000.000 đồng.

Ngày 30/10/2018, bà H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn anh Phan Thành N, không yêu cầu anh N trả nợ, mà chỉ yêu cầu chị H có nghĩa vụ trả số nợ hụi là 62.950.000 đồng và nợ vay 162.000.000 đồng. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn chị Mai Thị Thanh H trình bày:*

Chị và anh Phan Thành N là vợ chồng, chung sống với nhau đã lâu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2017 chị có làm đầu thảo các dây hụi, mỗi lần khui hụi chị và các hụi viên đều liên lạc qua điện thoại với nhau và chị trực tiếp đến nhà hụi viên gom tiền hụi. Vì vậy chồng chị là anh Phan Thành N hoàn toàn không biết việc chị làm đầu thảo các dây hụi. Đối với tiền vay 192.000.000 đồng chị là người trực tiếp nhận tiền vay tiền của bà H và viết biên nhận nợ, anh N hoàn toàn không biết. Sau khi chị bỏ nhà đi, các hụi viên đến nhà đòi nợ thì anh N mới biết chị làm đầu thảo các dây hụi và nợ tiền vay của bà H. Do đó nay chị đồng ý một mình trả nợ cho bà H vì số tiền hoa hồng từ việc làm đầu thảo và tiền vay, chị sử dụng cho mục đích cá nhân, không có sử dụng cho gia đình.

Chị thống nhất việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh N, không yêu cầu anh Phan Thành N cùng trả nợ với chị.

Đối với số tiền nợ hụi của 04 dây hụi mà bà H trình bày chị thống nhất còn nợ tiền hụi bà H là 62.950.000 đồng. Tổng số tiền đã vay 192.000.000 đồng, chị trả được 30.000.000 đồng, còn nợ lại là 162.000.000 đồng. Tổng cộng chị còn nợ bà H 224.950.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hoàn tất số nợ nói trên, vì hiện nay kinh tế gia đình khó khăn.

* *Bị đơn anh Phan Thành N trình bày:*

Anh và chị H chung sống vợ chồng được 16 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Việc chị H làm đầu thảo các dây hụi anh không có biết. Ngày 29/7/2018 âm lịch vợ chồng anh có cự cãi với nhau thì chị H bỏ nhà đi. Sau đó, có nhiều người đến đòi nợ, anh mới biết là họ có tham gia góp hụi do vợ anh làm chủ hụi. Ngoài tiền nợ hụi ra vợ anh còn nợ tiền vay của bà H anh cũng không biết, vì khi vợ anh vay tiền bà H không có

nói cho anh biết, đồng thời giấy nhận nợ này anh không có ký tên vay và nhận tiền.

Bà H khởi kiện, yêu cầu anh cùng với chị H trả nợ tiền hụi 62.950.000 đồng và tiền vay là 162.000.000 đồng, anh không đồng ý trả. Vì tiền vay và tiền hoa hồng do chị H làm chủ hụi không có sử dụng chi tiêu sinh hoạt chung cho gia đình.

Bản án dân sự sơ thẩm số 158/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 471, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 5, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 17, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H kiện anh Phan Thành N cùng với chị Mai Thị Thanh H trả số tiền nợ vay 162.000.000 đồng và nợ hụi 62.950.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H. Buộc chị Mai Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim H số tiền nợ vay 162.000.000 đồng và nợ hụi 62.950.000 đồng, tổng cộng là 224.950.000 đồng (hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian trả thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 15/11/2018, bị đơn chị Mai Thị Thanh H kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho chị được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Mai Thị Thanh H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin được trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 224.950.000 đồng.

Nguyên đơn bà Trần Kim H có ý kiến không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Mai Thị Thanh H là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của chị Mai Thị Thanh H làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí là đúng với quy định tại Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi và vay tài sản " là phù hợp Điều 463, 471 Bộ luật dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà H và chị H trình bày thống nhất trong năm 2017 và 2018 chị Mai Thị Thanh H có làm chủ hụi bà H tham gia 04 dây. Đến giữa năm 2018, chị H tuyên bố bể hụi, chị H còn nợ tiền vốn hụi của bà H là 62.950.000 đồng.

Ngoài ra từ ngày 10/3/2017 đến tháng 03/2018, bà H có cho vợ chồng chị H và anh N vay tiền làm nhiều lần với tổng số tiền là 192.000.000 đồng chị H có lập biên nhận . Sau đó chị H có trả được cho bà 30.000.000 đồng, nên nay còn nợ lại 162.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền vay tiền hụi chị H còn nợ bà H là 224.950.000 đồng, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị H trả cho bà H số tiền 224.950.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

Chị H kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh và không được bà H đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Đối với các phần kháng của bản án không bị kháng cáo xem như có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

- Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, Điều 471, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26, Điều 5, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 17, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Mai Thị Thanh H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 158/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1/ Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H kiện anh Phan Thành N cùng với chị Mai Thị Thanh H trả số tiền nợ vay 162.000.000 đồng và nợ hụi 62.950.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim H. Buộc chị Mai Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Kim H số tiền nợ vay 162.000.000 đồng và nợ hụi 62.950.000 đồng, tổng cộng là 224.950.000 đồng (Hai trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Thời gian trả thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Chị Mai Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí DS-PT tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16100 ngày 15/11/2016. Xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu là 11.247.500 đồng.

- Bà H được nhận lại số tiền 5.775.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 16050 ngày 11/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Em